TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thu;
2. Bà Phạm Thị Kim Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 887/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu S, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 072176000746 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021.

Địa chỉ cư trú: Số C, đường T, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1973; Căn cước công dân số 072073006842 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/7/2022.

Địa chỉ cư trú: Số C, đường T, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu S trình bày:* Bà và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ

năm 1997 và có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H (nay là Ủy ban nhân dân phường H), tỉnh Tây Ninh.

Đến khoảng năm 2020, vợ chồng xảy ra cãi vã thường xuyên do ông P hay kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm bà. Khoảng 5 năm trở lại đây vợ chồng sống chung nhà nhưng không ngủ chung với nhau. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 (một) con chung tên là Đỗ Anh D, sinh ngày 04/11/1997 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn ông Đỗ Văn P không đến Toà án làm việc, chỉ nộp cho Toà án đơn xin giải quyết vắng mặt và bản tự khai trình bày đồng ý ly hôn với bà S.*

* Tại phiên toà:

- Bà Huỳnh Thị Thu S, ông Đỗ Văn P vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Toà án khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đều thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu S.

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu S được ly hôn với ông Đỗ Văn P.

Về con chung: Bà S và ông P có 01 con chung tên là Đỗ Anh D, sinh ngày 04/11/1997 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Thu S khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Đỗ Văn P cư trú tại phường H, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp "*Ly hôn*" và Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều

35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu S và bị đơn ông Đỗ Văn P đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà S và ông P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, đến năm 2000 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Tây Ninh).

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời trình bày của bà S, khoảng từ năm 2020 vợ chồng bà S và ông P chung sống không còn hoà hợp, xảy ra cãi vã thường xuyên do ông Phi T kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm bà S; khoảng 5 năm trở lại đây vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không ngủ chung với nhau.

Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng ông P không đến Tòa làm việc. Điều này cho thấy ông P không có biểu hiện, động thái tích cực và thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục bà S hàn gắn mối quan hệ vợ chồng; mặt khác ông P có gửi bản tự khai trình bày đồng ý ly hôn với bà S. Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà S và ông P có 01 con chung tên là Đỗ Anh D, sinh ngày 04/11/1997 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; mặt khác ông P không có ý kiến về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu S về việc "*Ly hôn*" đối với ông Đỗ Văn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu S được ly hôn với ông Đỗ Văn P.

- Về con chung: Bà S và ông P có 01 (một) con chung tên là Đỗ Anh D, sinh ngày 04/11/1997 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0012918 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà S đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- THADS KV10-Tây Ninh;
- UBND P.Hoà Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Thị Liên